

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/01/2026

“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thảo;

Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 278/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2025 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXX-ST ngày 29/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 24/11/1990; Số CCCD: 030190002513; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã H, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Nhật Bản; Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về việc nộp đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, giao nộp các tài liệu chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và bà Lê Thị Kiều N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số B T, phường Y, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy B, sinh ngày 26/01/1986; Số CCCD: 030086011306; Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã H, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q- Bộ C.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1960; Số CCCD: 030060002380 và bà Phạm Thị V, sinh năm 1962; Số CCCD: 030162017685; Nơi ĐHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương - nay là xã H, thành phố Hải Phòng.

3.2. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1956; Số CCCD: 030056004262 và bà Đặng Thị H2, sinh năm 1963; Số CCCD: 030163004469; Nơi ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương - nay là xã H, thành phố Hải Phòng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 03/9/2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:* Chị và anh Nguyễn Duy B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 083/2013 ngày 22 tháng 10 năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp nên thường xảy ra cãi nhau. Năm 2018, chị đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không liên lạc. Năm 2020, anh B bị kết án 08 năm tù giam về tội phạm ma túy và đang chấp hành án tại Trại giam Q. Nay, chị không còn tình cảm với anh B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy B1, sinh ngày 07/03/2014 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 26/01/2016. Vì từ trước đến nay, chị vẫn gửi tiền về nuôi dưỡng các con, anh B đi tù và nay các con đều có nguyện vọng ở với mẹ. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con và nhờ bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng hai con trong thời gian chị không có mặt ở nhà. Khi nuôi con, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do về Việt Nam ít ngày làm thủ tục ly hôn sau đó trở lại Nhật Bản làm việc nên chị đề nghị Tòa không hòa giải và giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Lê Văn B2 trình*

bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày. Kể từ khi chị L đi lao động nước ngoài, 2 con ở cùng anh và bố mẹ đẻ của anh là ông Nguyễn Duy T và bà Đặng Thị H2. Năm 2020, anh bị Tòa án tuyên xử 08 năm tù nên các con sống cùng bố mẹ anh. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị L và bố mẹ anh thực hiện. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả 2 con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Trong thời gian anh chấp hành án tù, anh nhờ bố mẹ đẻ anh chăm sóc, nuôi dưỡng con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết. Anh đề nghị được giải quyết vụ án vắng mặt.

* Ý kiến của ông Nguyễn Duy T và bà Đặng Thị H2: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Duy B. Anh B và chị L là vợ chồng và có 02 con chung. Khi chị L đi nước ngoài, anh B chấp hành án tù, các cháu do ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng vì ở cùng từ bé. Nếu chị L và anh B ly hôn, ông bà đề nghị giao cả hai con cho anh B nuôi dưỡng, ông bà đồng ý nuôi con giúp khi anh B chấp hành án. Về chi phí chăm nuôi các cháu, ông bà không đề nghị giải quyết. Ông bà đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

* Ý kiến của ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị V: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị L. Chị L và anh B không chung sống cùng nhau từ năm 2018, khi chị L đi lao động nước ngoài. Anh chị có 02 con chung như chị L trình bày. Trong thời gian chị L và anh B không có nhà, các cháu sống cùng bố mẹ anh B. Do gia đình hai bên ở cùng xã, gần nhà nhau nên các cháu vẫn thường xuyên qua lại ở nhà ông bà. Chị L hàng tháng có gửi tiền nuôi dưỡng các cháu cho bố mẹ đẻ anh B thông qua ông bà, còn chi phí học tập chị L trực tiếp thanh toán với các thầy cô. Nay, chị L có quan điểm được nuôi cả 2 con và nhờ ông bà chăm nuôi giúp trong thời gian chị không có mặt ở nhà, ông bà đồng ý. Ông bà đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại công văn số 3375/XNC-Đ1 ngày 27/10/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – công an thành phố H thể hiện: Chị Nguyễn Thị L xuất cảnh gần nhất ngày 06/9/2025 bằng hộ chiếu C3372081 qua cửa khẩu N1, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

* Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) và các đương sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Duy B; giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con; anh B không phải cấp dưỡng. Tạm giao cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị V nuôi dưỡng, chăm sóc 2 cháu trong thời gian chị L không có mặt ở Việt Nam. Về tài sản, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và giải quyết con chung với bị đơn có nơi cư trú tại xã H, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Hải Phòng.

Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt và đều có đơn và ý kiến xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Duy B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị L và anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Duy B phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018, chị L không sống cùng anh B và hai người không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh B đã kéo dài, sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật

hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh B.

[2.2]. Về nuôi con: Chị L và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Duy B1 và Nguyễn Duy A. Các con chung đều chưa thành niên và hiện do bố mẹ đẻ anh B chăm sóc.

Khi chị L, anh B không ở cùng nhau, việc chu cấp ăn học cho các con hàng ngày do chị L thực hiện. Hiện các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Nếu giao con cho chị L nuôi dưỡng và nhờ bố mẹ đẻ chị L chăm sóc cũng không làm thay đổi môi trường học tập của các cháu, vì ở cùng xã. Còn bản thân anh B bị hạn chế quyền đi lại vì vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tù về tội phạm ma túy. Do đó, xét về mọi mặt để đảm bảo quyền lợi của các con có điều kiện phát triển tốt nhất, cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị L đang lao động ở nước ngoài nên tạm giao 02 con cho bố mẹ chị L là bà V, ông H1 chăm sóc, trong thời gian chị L không có mặt ở Việt Nam.

Về chi phí chăm nuôi 2 con trong thời gian chị L không có nhà, ông H1 bà V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Xét chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Duy B.

- Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Duy B1, sinh ngày 07/03/2014 và con Nguyễn Duy A, sinh ngày 26/01/2016, cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm giao cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị V nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Duy B1 và Nguyễn Duy A trong thời gian chị Nguyễn Thị L không có mặt ở Việt Nam.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Duy B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Duy B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002949 ngày 03/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8- Hải Phòng (Chị L đã thi hành xong).

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV 8 – Hải Phòng;
- Phòng THA DS KV 8 –Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hà